

ĐIỂM THI CUỐI HỌC KỲ II - KHỐI 11

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	GD&CD	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC							
1	000897	Nguyễn Thanh An	21/06/2005	11A1	9.3	8	1.4	1.1	5.1	7.6	7.8	8.3	7.5	9.75	8.8	10	
2	000912	Thái Hồng Anh	25/04/2005	11A1	8.5	8	1.1	1.2	5.5	7.8	5.8	6.3	9	9.75	8.8	9.5	
3	000914	Trần Ngọc Linh Anh	12/08/2005	11A1	7.8	8.3	1.3	1	5	7.3	5.3	8.3	9	10	9	10	
4	000921	Ngô Thanh Bình	17/03/2005	11A1	7	6	1.3	0.6	3.1	5	7.5	5.3	5.75	9	7.5	7.25	
5	000928	Võ Minh Cường	03/02/2005	11A1	9.5	7.5	1.2	1.2	5	7.4	7.3	6.3	9.5	10	9	6.8	
6	000930	Hoàng Đình Đức Dũng	19/09/2005	11A1	7.5	5.8	1.5	1.1	5.1	7.7	8	5.8	5	7	6.5	9.8	
7	000932	Trần Lê Phương Dung	26/02/2005	11A1	6.3	7.5	1.1	1.1	3.1	5.3	2.8	5	8.8	6.25	5	9.8	
8	000933	Nguyễn Hùng Dương	28/02/2005	11A1	5	6.8	1.2	0.9	1.8	3.9	2.8	3.5	6	2.75	6	4.5	
9	000942	Cao Thị Mỹ Duyên	14/02/2005	11A1	7.3	7.5	1.3	1	4.3	6.6	7.8	8.5	8.3	10	8.3	9.5	
10	000944	Ngô Hồ Kỳ Duyên	21/09/2005	11A1	8.3	7.8	1.3	1.2	5.5	8	8.5	9.5	9	8	9	10	
11	000967	Đặng Thị Hồng Hạnh	06/08/2005	11A1	6.8	7.3	1.3	1	4.6	6.9	6.3	8.5	10	9.75	8	10	
12	000983	Nguyễn Quang Hoài	11/12/2005	11A1	7.8	6.5	1.1	1	5.1	7.2	6.8	8.3	9	7	9	10	
13	000989	Trần Quốc Anh Hoàng	11/10/2005	11A1	7.8	6.3	1.1	1.2	5.1	7.4	7.3	9.3	9	10	8.5	9.3	
14	000994	Nguyễn Hữu Hào Hùng	08/10/2005	11A1	8.5	7	1.2	1.3	5.1	7.6	5.3	6	9	10	9	9.3	
15	001001	Lưu Đức Huy	02/02/2005	11A1	9.3	7.5	1.3	1.4	5.6	8.3	9	8.5	10	7	9	10	
16	001002	Nguyễn Gia Huy	16/02/2005	11A1	6.5	5.8	1.3	1.6	4.7	7.6	6.3	6	9.75	10	9.5	10	
17	001012	Phạm Thị Ngọc Huyền	12/12/2005	11A1	2.3	5.5	1.4	0.6	3.7	5.7	3.5	5	9	7	3.8	9.3	
18	001020	Nguyễn Quỳnh Kim Khánh	19/07/2004	11A1	4.3	4	1.3	0.6	3.6	5.5	2.3	2.8	2.5	6	2	3.3	
19	001029	Trần Gia Kiệt	26/11/2005	11A1	6.3	4.3	1.4	1.1	2.7	5.2	3.8	2.5	6.5	6.5	6.3	2.5	
20	001040	Huỳnh Thái Toàn Lợi	21/11/2005	11A1	4	4.5	1.2	0.8	3.4	5.4	2.3	2.3	7.8	6.75	6	4	
21	001049	Nguyễn Hồng Mai	27/04/2004	11A1	9.3	7.8	1.3	1.6	5.3	8.2	8.3	8.5	9.75	10	9	10	
22	001050	Nguyễn Ngọc Phương Mai	14/09/2005	11A1	6.3	7	1.3	1	4.7	7	5.3	7.3	9.75	10	7.3	9.75	
23	001052	Quách Chánh Mẫn	23/09/2005	11A1	4.3	4.5	1.2	0.3	4.2	5.7	0.5	2	5.5	7	1	8	
24	001055	Nguyễn Hoàng Minh	31/03/2005	11A1	8.8	6.8	1.3	0.9	4.4	6.6	6	5.8	9.75	7	9	9	
25	001067	Nguyễn Hồng Ngân	23/03/2005	11A1	8	7.3	1.3	0.6	4.7	6.6	8.3	5	9.75	7	9	10	
26	001076	Huỳnh Đức Nghị	23/09/2005	11A1	1	3	1.4	0.7	4.5	6.6	5	1.8	3.5	6.75	5	6.5	
27	001077	Đào Minh Ngọc	06/08/2005	11A1	3.5	3.5	1.4	0.9	4.3	6.6	5.3	5	2	0	5.5	7.8	
28	001088	Phạm Minh Nhật	26/08/2004	11A1	7.8	5.8	1.3	1.2	4.6	7.1	7.8	7.5	8.5	7	9	8.8	
29	001093	Lê Ngọc Nhi	09/02/2005	11A1	6.5	3.5	1.1	0.5	5.2	6.8	5	5.3	6.5	6	9	2	
30	001095	Nguyễn Thị Yến Nhi	02/04/2005	11A1	5	7.5	1.7	1.1	5.1	7.9	3.8	2.8	6	1.9	6.5	9.8	VPQCT
31	001106	Võ Hoàng Như	11/07/2005	11A1	3.5	7.5	1.3	1	5.3	7.6	5	4.5	8.5	7	5.8	8.8	
32	001108	Hà Thị Tuyết Nhung	30/11/2005	11A1	6.5	5	1.5	1.2	5	7.7	8.3	9.3	9	10	9.5	10	
33	001111	Nguyễn Phạm Kiều Oanh	08/04/2005	11A1	7	6	1.4	1.4	5.3	8.1	6	8.8	8	6.75	8.5	9	

34	001117	Hoàng Gia Triệu Phú	28/09/2005	11A1	8	7	1.4	1.4	5.3	8.1	8	9.5	9	7	9	9.3	
35	001129	Đặng Nguyễn Thảo Phương	28/09/2005	11A1	7.5	7.3	1.5	1.3	5.3	8.1	8	5.8	9	9.75	7.5	10	
36	001139	Nguyễn Hoàng Quân	16/09/2005	11A1	6.3	7	1.4	1.3	5	7.7	7.8	6.3	9.5	9.75	9	9	
37	001140	Nguyễn Văn Quân	08/11/2005	11A1	6	5.5	1.6	0.7	3.2	5.5	2.8	3.8	6.25	5	2.8	1.5	
38	001158	Đoàn Lê Thanh Tâm	14/03/2005	11A1	6.3	7.3	1.1	0.9	5.2	7.2	2.8	5	7.75	8.75	8	8	
39	001167	Nguyễn Thị Kim Thanh	21/04/2005	11A1	7.5	7.3	1.1	0.7	3.9	5.7	4.5	6.8	9	9.25	9	9.8	
40	001175	Trần Quang Thế	11/07/2005	11A1	8.3	6.5	1.4	1.3	5.3	8	7.5	8.3	9	10	9	10	
41	001187	Nguyễn Thị Hoài Thương	05/02/2005	11A1	8.8	7.3	1.2	1.2	5.1	7.5	7.8	7.8	9.25	10	9	9.8	
42	001193	Vũ Ngọc Bảo Thy	22/03/2005	11A1	6	7.3	1.3	0.9	3.9	6.1	3	6.5	9.25	7	8.5	6.5	
43	001214	Trương Quốc Trung	13/11/2005	11A1	7.5	5.3	1.2	0.9	4.6	6.7	5.8	7.8	6.75	5	7.3	1	
44	001222	Đinh Thị Thanh Tuyền	05/07/2005	11A1	8.5	6.8	1.2	1.1	4.1	6.4	8.5	8.3	8	9.5	8.3	10	
45	001232	Nguyễn Hoàng Vũ	27/05/2005	11A1	5.5	6.8	1.4	1.2	4.4	7	5.8	6	8.25	9.75	8.3	9.25	
46	001245	Trương Thúy Vy	03/09/2005	11A1	6.8	7.8	1.4	1	3.8	6.2	5	7.3	7.25	7	9	8.75	
47	000902	Giang Nguyễn Quỳnh Anh	04/03/2005	11A2	8	8.3	1.6	1	5.4	8	5.5	8.3	10	10	10	10	
48	000924	Chu Thị Quỳnh Chi	24/11/2005	11A2	5.3	6.5	1.2	0.9	3.5	5.6	0.8	2.5	6.3	6	5.8	3.3	
49	000931	Lê Văn Dũng	05/05/2005	11A2	6.5	6.8	1.3	0.9	3.3	5.5	5	6.3	9	9	7	10	
50	000938	Lê Vũ Duy	21/09/2005	11A2	7.8	6.5	1.3	1	5.2	7.5	6.5	6.8	6	5	5	7.5	
51	000948	Nguyễn Hải Đăng	08/06/2005	11A2	8.3	6.8	1.3	1.2	5	7.5	9	9	9.25	9.75	9	7	
52	000951	Nguyễn Long Thành Đạt	10/11/2005	11A2	0.3	4.8	1.4	0.7	3.6	5.7	3.3	3.8	8.75	5.75	4	7	
53	000963	Nguyễn Ngọc Gia Hân	18/11/2005	11A2	8.5	7.3	1.4	1.5	5.6	8.5	6.8	8	9.5	10	9	10	
54	000973	Ngô Thanh Hậu	30/06/2005	11A2	9.3	7	1.3	1.6	5.8	8.7	6	8.8	9.8	10	9	10	
55	000974	Nguyễn Thị Diệu Hiền	25/09/2005	11A2	8.5	6.5	1.3	1.6	4.4	7.3	7	8.3	9	8.5	9	9.3	
56	000985	Phan Thị Kim Hoàn	12/11/2005	11A2	9	7.3	1.3	1.4	5.3	8	6.3	8	7.8	8.75	8	8.3	
57	000987	Trần Đức Hoàng	13/04/2005	11A2	2.3	3	1.5	0.8	3.3	5.6	0	0	3	5.5	0	1.8	
58	000988	Trần Huy Hoàng	22/12/2005	11A2	8.8	6.5	1.6	0.9	3.2	5.7	5.3	5.8	8	9.25	8.3	9.5	
59	001006	Nguyễn Tấn Huy	03/09/2005	11A2	9	6.8	1.6	1.6	5.3	8.5	5.8	6.8	10	7	8.8	9	
60	001009	Trần Nhật Huy	04/03/2005	11A2	8	6.8	1.5	1.3	4.4	7.2	5.5	6.5	4.5	5.5	2.5	10	
61	001013	Đoàn Gia Hy	27/10/2005	11A2	2.3	4.5	1.3	1.3	3.9	6.5	4.8	4	7	2.5	0.8	9.8	VPQCT
62	001016	Cao Vương Khang	01/10/2005	11A2	8.3	4	1.2	1.4	4.4	7	4.8	5.5	6	5.75	6.5	5.3	
63	001027	Trần Phan Anh Khôi	29/09/2005	11A2	5.8	6.8	1.3	0.8	4.7	6.8	0.5	4	3.3	5.75	5.8	0	
64	001028	Nguyễn Văn Kiệt	28/08/2005	11A2	3.3	4.8	1.4	0.9	3.9	6.2	2.5	3.8	6	9.25	7	6	
65	001032	Lê Phương Linh	25/12/2004	11A2	5.8	5.8	1.3	1.2	4.6	7.1	8.8	6.5	9.5	6	5.5	9	
66	001037	Trần Ngọc Linh	25/11/2005	11A2	8.8	7.3	1.4	1.3	5.4	8.1	8	9.5	9.5	8.25	8.5	10	
67	001047	Nguyễn Hồng Hải Ly	02/06/2005	11A2	9	8	1.2	1.5	5.5	8.2	8.3	8	9	10	9	10	
68	001053	Nguyễn Huy Mạnh	25/08/2005	11A2	7.5	6	1.4	1.3	5.2	7.9	6.3	7.3	8.5	9.75	6.5	7.5	
69	001061	Lê Hoài Nam	03/11/2005	11A2	8.8	7.5	1.4	1.5	4.8	7.7	8.3	9	9.75	10	9.5	10	
70	001066	Nguyễn Dương Kim Ngân	30/04/2005	11A2	8.3	7.5	1.3	0.9	5.2	7.4	7.5	6.8	7.5	8.75	7	9.5	
71	001070	Nguyễn Thanh Ngân	04/04/2005	11A2	5.5	7	1.3	1.1	5.3	7.7	6.5	3	9	9.5	6.5	10	

72	001079	Nguyễn Đức Tuấn Ngọc	22/02/2005	11A2	3.8	7.5	1.3	0.6	3.9	5.8	3	5.3	8.25	9.25	8	10	
73	001081	Trần Thị Kim Ngọc	18/06/2004	11A2	8.5	7	1.3	1.2	4.8	7.3	8.5	7.8	9	9.25	9	8.5	
74	001099	Phạm Yến Nhi	28/01/2005	11A2	8.5	5.8	1.3	1.1	4.8	7.2	3.3	5.3	7.75	6.25	9	9	
75	001105	Huỳnh Thị Như	02/03/2005	11A2	9	7.5	1.6	1.2	5.7	8.5	6.3	8.8	9.75	9	9	10	
76	001109	Nguyễn Thị Hồng Nhung	23/05/2005	11A2	7.8	8	1.2	1.3	5.7	8.2	7.5	6.3	8.5	8.75	9	10	
77	001120	Bùi Đào Tấn Phúc	19/06/2005	11A2	5.5	7.5	1.3	0.9	4.9	7.1	5.5	6.8	7.25	5.75	8.8	7.5	
78	001124	Lê Hoàng Kim Phụng	01/08/2005	11A2	7.3	7.3	1.5	0.8	5.4	7.7	7.8	5.8	7.5	9.75	9	9	
79	001128	Dương Hải Huyền Phương	20/10/2005	11A2	8.8	7.5	1.4	1.1	5.4	7.9	6	7.5	9.75	6.75	8.8	9.3	
80	001161	Thạch Phú Tân	18/10/2005	11A2	8	2	1.3	0.4	3.3	5	2	5.3	3	5	5	1.5	
81	001165	Cao Thị Diệp Thanh	23/09/2005	11A2	9	7	1.4	1.2	5.6	8.2	5.8	8.5	8	8.25	8.3	5.8	
82	001168	Phạm Quang Thành	08/12/2005	11A2	6.3	6.5	1.3	1	2.9	5.2	3.3	7.5	5.25	5.25	4.5	5.3	
83	001171	Đặng Phan Phúc Thảo	08/06/2005	11A2	6.8	6.3	1.5	1.2	4.2	6.9	4.8	5.5	7	6.75	6.5	10	
84	001174	Trang Ngọc Thảo	03/07/2005	11A2	8.5	8	1.4	1.4	5.6	8.4	9	9.3	9.75	10	9	10	
85	001213	Chu Vũ Quốc Trung	15/06/2005	11A2	2.5	4.5	1.3	0.7	2.7	4.7	2.3	3.3	7	3.25	7.5	8.5	
86	001215	Lê Mỹ Tú	03/09/2004	11A2	5.3	7	1.6	1.3	4.7	7.6	4.5	4.5	9.5	10	6.3	10	
87	001219	Phạm Lê Đình Tuấn	21/09/2005	11A2	8	6.8	1.4	0.9	5.1	7.4	5.8	5.3	9	9	8.5	9.25	
88	001221	Võ Thanh Tùng	03/08/2005	11A2	6	5.8	1.4	0.9	5.4	7.7	5.3	7.5	8.25	9	8.8	7.75	
89	001226	Phạm Ngọc Thái Uyên	24/06/2005	11A2	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Trống
90	001240	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	16/10/2005	11A2	7.8	8	1.2	1.3	5	7.5	6.3	8.3	9	10	9	7.5	
91	001241	Nguyễn Ngọc Tường Vy	07/11/2005	11A2	7.3	7	1.3	0.9	4.8	7	2.8	4.3	4.25	7.25	5	7.5	
92	000904	Nguyễn Châu Anh	15/09/2005	11A3	9.3	7	1.5	1.1	5.3	7.9	3.8	9.8	9	9.75	9.3	10	
93	000909	Nguyễn Văn Anh	14/01/2005	11A3	8.8	7.5	1.2	0.5	4.1	5.8	8.5	7.3	9	10	7	7.75	
94	000915	Nguyễn Văn Bằng	12/12/2005	11A3	7.3	5.8	1.3	1	3	5.3	7.3	8.3	4.25	10	9.3	8	
95	000919	Trương Quốc Bảo	18/01/2005	11A3	6.3	6.5	1.2	1	4.4	6.6	6.3	9.8	4.5	3.5	2.3	8.5	
96	000935	Phạm Thị Thùy Dương	10/07/2005	11A3	5.3	7	1.6	0.9	4.5	7	2.3	6.5	9.5	10	7.5	9.8	
97	000936	Phan Nguyễn Quỳnh Dương	12/12/2005	11A3	9	7.5	1.3	1.2	5.4	7.9	6.5	8	9.8	9.75	8.8	10	
98	000939	Nguyễn Trọng Duy	09/12/2005	11A3	7.3	6	1.3	0.9	4.7	6.9	5.5	6.5	7.5	6.5	7	8.5	
99	000943	Lê Thị Ngọc Duyên	28/05/2005	11A3	7.5	5.8	1.2	1	2.9	5.1	4.3	7.8	9	10	9	6.8	
100	000947	Nguyễn Văn Đài	03/10/2005	11A3	9.3	6.8	1.2	0.8	4.9	6.9	6.5	9.8	9	6.25	9	8.5	
101	000955	Hoàng Mạnh Đức	02/06/2005	11A3	8.3	5.3	1.4	1.6	4.9	7.9	8	8.8	10	9.5	7.5	7.5	
102	000959	Nguyễn Thị Kim Giàu	26/11/2005	11A3	9	5.3	1.5	1.1	4.6	7.2	5.8	8.5	7.25	6.25	8.8	8.3	
103	000966	Phạm Như Minh Hằng	07/03/2005	11A3	8.3	6.8	1.2	1.5	5.6	8.3	8	8.8	9.5	9.5	8	9.8	
104	000995	Phạm Tấn Hưng	25/02/2005	11A3	5.5	7	1.2	0.8	4.7	6.7	4.8	7.8	9.8	9.25	10	7.3	
105	000996	Lê Quỳnh Hương	27/05/2005	11A3	6.8	6.5	1.2	1.1	2.8	5.1	3.3	1.8	3.5	0	4	1.3	
106	000999	Bùi Văn Huy	01/03/2005	11A3	9.3	6.8	1.3	1.4	5.5	8.2	8.8	9.8	10	10	9	10	
107	001007	Nguyễn Thái Gia Huy	08/07/2005	11A3	9	6.3	1.3	1.5	6	8.8	7.5	9	9.5	9.75	8.5	9.5	
108	001014	Trần Quang Khải	05/10/2005	11A3	5	7	1.1	0.6	3.6	5.3	2.8	5.3	8	6.75	7.8	8	
109	001023	Lê Vũ Anh Khoa	15/06/2005	11A3	7.5	7.8	1.4	1.1	4.9	7.4	7.8	8.8	8	7	8	10	

110	001036	Phan Khánh Linh	20/08/2004	11A3	5.8	7.8	1.3	1.1	5.6	8	7	7.8	9.5	10	8.3	10	
111	001062	Lý Nhựt Nam	12/05/2005	11A3	5	6.3	1.5	1.3	5.1	7.9	4.3	6	7.25	5.75	8.5	8.25	
112	001069	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	16/07/2005	11A3	6.8	6	1.1	0.4	2.9	4.4	5.8	7.8	2.75	3	3	5	
113	001078	Lý Thị Hồng Ngọc	10/06/2005	11A3	6.8	7	1.2	0.9	3.5	5.6	7.8	7.8	5	9	7.5	7.8	
114	001087	Nguyễn Trần Minh Nhật	14/08/2005	11A3	7.8	6.8	1.4	1.2	4.5	7.1	7.8	8	9	6.75	8.8	9.3	
115	001100	Trần Thị Thảo Nhi	16/04/2005	11A3	7.5	7.5	1.5	1.6	4.1	7.2	7.3	8.8	9.5	8.75	9	8	
116	001112	Đào Đức Phát	31/12/2005	11A3	8.5	7	1.3	1.8	4.5	7.6	9.3	7.5	10	10	9	10	
117	001116	Trương Thanh Phong	13/05/2005	11A3	7.8	7.5	1.2	1	4.2	6.4	6.8	7	8.5	6	7	9	
118	001121	Nguyễn Hoàng Phúc	21/07/2005	11A3	9.3	7.5	1.3	1.1	4.6	7	7.3	5.8	6.5	8.75	8.3	7.3	
119	001137	Lê Văn Quân	11/11/2005	11A3	9.5	7.8	1.2	1.2	5.7	8.1	9.5	9.5	10	10	9	10	
120	001147	Nguyễn Kim Quyến	08/03/2005	11A3	6.5	7.3	1.5	0.8	2.9	5.2	6.5	7.8	10	8.5	8.5	10	
121	001153	Nguyễn Thị Yến Sơn	21/12/2005	11A3	8.8	5.8	1.2	1.1	5.2	7.5	6	9.8	9.5	6	9	10	
122	001155	Nguyễn Duy Tài	28/10/2005	11A3	7.5	6.5	1.4	0.9	4.7	7	7.8	7.5	9.75	9.5	6	4.5	
123	001176	Nguyễn Hữu Thiện	26/05/2005	11A3	8.3	4.3	1.3	1	4.7	7	3	6.8	4.25	1	3.5	5	
124	001183	Phạm Minh Thư	20/07/2005	11A3	4.5	4.5	1.2	0.8	4.8	6.8	4.5	6.3	6.25	2.75	6	7	
125	001185	Nguyễn Phan Huy Thuận	01/10/2005	11A3	6	6.8	1.3	1	5.2	7.5	5.3	3.3	9	6.75	6.3	10	
126	001192	Mai Thy Thy	12/08/2005	11A3	7	5.5	1.2	1.1	5.2	7.5	8	8	8	6.75	9	10	
127	001207	Phạm Thị Thùy Trang	04/03/2005	11A3	7.3	7.8	1.4	1.3	4.3	7	5	8.3	7	9.5	6.3	10	
128	001216	Nguyễn Đăng Tú	29/01/2005	11A3	5.5	7.5	1.3	1.2	4.4	6.9	6.5	7.8	9.5	9.75	8	9.5	
129	001217	Nguyễn Phong Tú	13/08/2005	11A3	7.5	7	1.3	1.1	5.4	7.8	8	8.5	9.25	9.75	8.8	10	
130	001218	Nguyễn Đỗ Anh Tuấn	28/11/2005	11A3	8	6.5	1.3	0.9	4	6.2	7.5	5.8	10	10	8.8	7.5	
131	001224	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	15/12/2005	11A3	8.3	7.5	1.3	1	5.3	7.6	6.3	6.3	9.5	9.25	9	10	
132	001227	Đào Võ Tuyết Vi	25/02/2005	11A3	9.3	7.8	1.2	1.3	5.3	7.8	8.3	8.8	10	10	9	10	
133	001231	Bùi Nguyễn Tấn Vũ	04/09/2005	11A3	2.5	7	1.4	1.2	2.8	5.4	2	9.3	5	4	4.5	0.5	
134	001243	Thạch Hồng Thảo Vy	29/05/2005	11A3	9	7	1.2	1	5.4	7.6	8.8	9.3	10	9.75	9	10	
135	001247	Trần Nguyễn Như Ý	02/07/2005	11A3	7.5	6	1.4	1.2	3.4	6	6.8	7.5	6.5	7.75	8.3	6.75	
136	001251	Lương Nguyễn Hải Yến	17/11/2005	11A3	5.5	6	1.2	0.7	3.4	5.3	3.8	4.5	6	9	7	9	
137	000913	Trần Ngọc Anh	07/05/2005	11A4	7.5	7.8	1.3	1.2	5.1	7.6	9	8	9.5	10	9	10	
138	000916	Lâm Gia Bảo	31/07/2005	11A4	7.8	7.8	1.7	1.4	4.1	7.2	6.5	8.8	9.5	9.75	9	9.75	
139	000926	Đặng Thị Thanh Chúc	09/01/2005	11A4	8	7.8	1.4	1.3	5.2	7.9	8.3	9.8	9.8	10	9	9.5	
140	000954	Ngô Thanh Điền	28/09/2005	11A4	7.3	7.3	1.4	0.5	2.2	4.1	7.3	8.3	9.5	9.75	9	9	
141	000957	La Hoài Giang	22/03/2005	11A4	6.5	6.8	1.3	1	3.8	6.1	5.5	8.8	9	6.5	7.8	9.5	
142	000970	Lê Thị Hảo	26/12/2005	11A4	2.8	6.8	1.3	0.6	4	5.9	3.5	4.3	6	6.25	8	5.5	
143	000982	Phạm Trần Gia Hòa	01/09/2005	11A4	5.8	6.5	1.3	0.2	4.1	5.6	1.8	5.5	9	7	6.3	8	
144	000993	Nguyễn Đặng Phước Hưng	09/12/2005	11A4	6.3	6	1.5	1	3.8	6.3	8.3	7.8	9.5	6.5	8.5	10	
145	001008	Nguyễn Đăng Huy	11/01/2004	11A4	3	6.3	1.4	0.5	3.7	5.6	3.5	4	8	6.25	7.3	7.3	
146	001018	Nguyễn Gia Khánh	30/03/2005	11A4	4.3	7	1.5	1	3.2	5.7	2.5	2.3	9	7	3.5	7.5	
147	001030	Trần Văn Lâm	28/03/2005	11A4	6	6.3	1.3	0.8	4.2	6.3	3.8	3	7	4.75	6	8.8	

148	001035	Nguyễn Thị Thùy Linh	23/10/2005	11A4	7	6.8	1.2	0.7	3.5	5.4	8	4.3	7.5	8.75	8	8	
149	001039	Hoàng Phúc Lộc	06/09/2005	11A4	8.5	6.3	1.5	0.8	3.9	6.2	8	6.8	9.5	6.25	9	9.5	
150	001041	Ngô Hữu Lợi	18/07/2005	11A4	9.3	6.3	1.2	1.3	4.1	6.6	8.5	7.8	9.8	10	9.3	9.75	
151	001043	Nguyễn Hồng Lụa	05/10/2005	11A4	7	7.3	1.5	0.9	3.9	6.3	5.5	6.8	8.3	5.5	5.8	7.75	
152	001056	Tổng Anh Minh	10/06/2005	11A4	5	6	1.4	0.6	4.5	6.5	6.5	5.8	5	4.75	5.8	7.25	
153	001068	Nguyễn Lê Bảo Ngân	31/10/2005	11A4	5.8	4.8	1.3	1	3.8	6.1	6	7	8	6.25	7.8	9	
154	001071	Nguyễn Thị Bích Ngân	17/09/2005	11A4	4	3.8	1.4	0.6	3.8	5.8	3.5	5.3	5	6	7	9.5	
155	001074	Trương Nguyễn Ngọc Ngân	15/08/2005	11A4	8.5	7.5	1.2	1.1	4.4	6.7	7	8	8.5	9.75	8	9.5	
156	001090	Bùi Thị Yến Nhi	11/12/2005	11A4	5.3	7	1.4	1.3	4.9	7.6	6.3	6.8	6	6.75	8	9.8	
157	001114	Phạm Thành Phát	10/08/2005	11A4	6.8	1.8	1.3	1.1	4.5	6.9	5	6	7	6	6	8	
158	001119	Trần Đức Phú	12/06/2005	11A4	9	7.5	1.4	1.4	4.8	7.6	8.5	6.5	9	10	10	9.3	
159	001122	Nguyễn Ngọc Phúc	13/01/2005	11A4	8.8	7.5	1.3	1.3	5.1	7.7	6.8	8.3	7.75	9.75	9	9.5	
160	001131	Lê Hải Phương	24/08/2005	11A4	6.5	6.8	1.4	1.2	5.2	7.8	6.5	5.5	9	6	6	9	
161	001132	Nguyễn Thanh Phương	25/04/2005	11A4	6.3	6.5	1.4	0.9	3.9	6.2	5.3	5.3	7	5.75	6.8	10	
162	001136	Lê Minh Quan	12/09/2005	11A4	7.3	5.8	1.3	1.1	3.9	6.3	2.5	7.8	5	3.25	5.8	10	
163	001141	Phạm Nhật Quang	18/07/2004	11A4	6.3	4	1.7	0.8	3.9	6.4	4	5.5	4.5	1.5	7	3.8	
164	001148	Nguyễn Lê Thục Quyên	08/12/2005	11A4	5	6.3	1.4	0.6	3.3	5.3	3.5	6.5	6.25	6	7.3	9.3	
165	001154	Bạch Văn Tài	06/11/2004	11A4	5	5.3	1.4	0.9	2.8	5.1	3.5	5.5	3.25	6	4	0	
166	001159	Phạm Thanh Tâm	28/06/2005	11A4	9.3	6.8	1.4	0.8	3.8	6	7.8	7.8	7	6	8	9.5	
167	001166	Hồ Văn Quang Thành	05/02/2005	11A4	6.3	5.8	1.1	0.8	3.1	5	4.5	3	7	5.75	7.8	5.8	
168	001173	Nguyễn Hồng Thảo	24/05/2005	11A4	9.8	8.3	1.6	1.7	6	9.3	10	9.3	9.3	10	10	10	
169	001177	Phạm Minh Thiện	30/03/2005	11A4	6.8	6.3	1.3	1	4.8	7.1	6	7	7.5	3.75	7	7.5	
170	001179	Nguyễn Thị Kim Thoa	27/12/2005	11A4	4	6.3	1.1	1.4	5.5	8	6	5	7	3	7.8	9	
171	001180	Lê Nguyễn Anh Thư	28/12/2005	11A4	6.8	7.8	1.3	1.2	4.6	7.1	5.5	9.5	10	6.5	9	7	
172	001189	Nguyễn Thị Xuân Thương	31/08/2005	11A4	8.5	6.5	1.4	1.2	4.3	6.9	6.8	7	9.5	9	8.3	10	
173	001191	Nguyễn Thị Thanh Thúy	10/05/2005	11A4	6.8	6	1.3	0.9	4.4	6.6	7.3	7.8	9.75	9.75	9	8.8	
174	001194	Hồ Thanh Tiền	19/08/2005	11A4	5	4.8	1.3	0.8	3.8	5.9	2.8	6	8.5	9.25	7.5	2.8	
175	001198	Nguyễn Trung Tín	29/03/2005	11A4	9	5.5	1.4	1.2	5.1	7.7	6	5.5	8.5	8.75	9	7.75	
176	001206	Nguyễn Thị Thùy Trang	05/11/2005	11A4	8.8	6.8	1.3	1.5	5.5	8.3	9.5	8.5	10	10	8	10	
177	001223	Nguyễn Phan Thanh Tuyền	22/08/2005	11A4	6.8	6.8	1.4	1.6	4.9	7.9	6.5	4.5	8.5	6.5	7.5	9.5	
178	001228	Lê Quách Triệu Vĩ	23/02/2005	11A4	5	6.8	1.4	1.4	4.4	7.2	3.8	4	7.5	6.75	6.5	8.25	
179	001229	Nguyễn Hoàng Thúy Vi	05/06/2005	11A4	8.8	8	1.4	1.2	5.2	7.8	6.5	9.5	10	10	9	9.75	
180	001238	Nguyễn Đặng Khả Vy	24/05/2005	11A4	5.8	7.5	1.4	1.3	4.7	7.4	7.8	8	9.5	9.25	9	10	
181	001248	Trần Nguyễn Như Ý	01/09/2005	11A4	5.8	7.5	1.4	1.4	3.9	6.7	4	6.5	10	9.5	8.3	9	
182	000898	Phạm Huỳnh Ngọc Hiếu Ân	25/11/2005	11A5	6	8.3	1.5	1.3	4	6.8	5.3	5.3	9	7.5	5.5	8.25	
183	000900	Dư Vũ Vân Anh	16/03/2005	11A5	3	6.3	1.7	0.8	4.6	7.1	2	2.3	5.75	6.5	7.8	7.5	
184	000910	Phạm Ngọc Ánh	19/09/2005	11A5	9.3	8.3	1.6	1.3	5.2	8.1	8	9.8	10	10	9	10	
185	000923	Lê Ngọc Bảo Châu	08/06/2005	11A5	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Trống

186	000927	Nguyễn Thị Diệp Chúc	20/08/2005	11A5	9.3	8	1.5	1.3	5.4	8.2	9.8	9.8	10	10	9	10	
187	000929	Lê Thanh Danh	22/12/2005	11A5	5.3	6	1.4	1.7	5.5	8.6	5.3	5.8	7.5	7.25	8.3	10	
188	000934	Phạm Đoàn Ánh Dương	15/03/2005	11A5	6.8	6.3	1.7	1	3.5	6.2	4.3	7.5	8	8.5	8.8	9.8	
189	000937	Lâm Bảo Duy	17/08/2005	11A5	7.3	8	1.5	1.4	5	7.9	7	7.8	8.5	9.75	9	9.8	
190	000952	Phùng Quốc Đạt	28/04/2005	11A5	5.3	7.8	1.3	0.5	2.8	4.6	4	6.5	5.5	5.75	6.5	6.3	
191	000958	Trần Thanh Giang	11/08/2004	11A5	5	6.8		1.3	1.2	2.5	2.5	6	7	6	5	2.5	Trống
192	000964	Huỳnh Ngọc Cẩm Hằng	29/07/2005	11A5	9.3	Vắng	1.2	0.8	5	7	8.5	Vắng	10	9.75	8.5	9.8	Trống
193	000965	Lê Thị Kim Hằng	14/03/2005	11A5	7	7.5	2	1.2	4	7.2	6	3.8	4.25	6	7.8	9	
194	000968	Đỗ Văn Anh Hào	31/12/2005	11A5	8	7.3	1.3	0.8	4.9	7	8	8	7.5	9.75	8	9.8	
195	000979	Dương Lê Gia Hòa	12/06/2004	11A5	0	3.5	1.5	0.9	0.2	2.6	0.5	8	7.8	1.5	2	2.5	
196	000991	Hoàng Ngọc Hưng	29/11/2005	11A5	9	6.3	1.5	1.6	5.4	8.5	6.8	9	8	9.25	7.8	9	
197	001005	Nguyễn Phan Gia Huy	13/06/2005	11A5	6.3	6	1.3	0.8	2	4.1	6.3	6	6.75	9	6.3	9.5	
198	001010	Trương Nguyễn Mai Huy	09/03/2005	11A5	6.3	5	1.5	1.5	4.9	7.9	4.3	6.8	8.5	9.75	6.8	10	
199	001024	Nguyễn Huỳnh Anh Khoa	04/10/2004	11A5	2	6.3	1.3	0.3	3	4.6	3.5	3.5	6.5	6.75	6.5	9.3	
200	001033	Ngô Thùy Linh	16/12/2004	11A5	5	5.3	1.3	0.8	3.5	5.6	4.5	5.5	7.5	3.25	5	9	
201	001057	Trần Nhật Minh	01/12/2005	11A5	7	6.8	1.3	0.9	3.3	5.5	5.5	6	7.25	7	8	9.25	
202	001075	Võ Thủy Ngân	24/12/2004	11A5	8.5	7.8	1.3	1	5.3	7.6	7.5	9.3	10	9.5	9	9.3	
203	001080	Nguyễn Thị Kim Ngọc	01/08/2005	11A5	7.5	7	1.5	0.8	4.3	6.6	5	6.5	8.5	6.25	8	9.3	
204	001086	Huỳnh Minh Nhật	17/08/2005	11A5	6.5	6.5	1.1	1.3	4.2	6.6	5.5	8.5	6	8.75	8.5	7.8	
205	001092	Huỳnh Yến Nhi	16/04/2005	11A5	5.8	7.5	1.3	0.9	4.6	6.8	8	6.3	8.5	10	8	10	
206	001096	Nguyễn Ý Nhi	21/04/2005	11A5	5.75	6.8	1.4	1	4.9	7.3	6.3	8.5	9.5	8.75	8	10	
207	001102	Tạ Thùy Nhiên	18/07/2005	11A5	9.3	7.8	1.3	1.2	5.6	8.1	5.3	8.5	10	6	8.3	10	
208	001110	Đinh Thị Nụ	31/05/2005	11A5	6.8	2.8	1.2	0.6	3.7	5.5	6.3	8	8.5	5.75	9	10	
209	001126	Lê Văn Phước	10/10/2005	11A5	6.5	8	1.4	0.6	4.2	6.2	6.5	8.8	8	10	8.5	9.8	
210	001135	Đào Minh Quân	10/10/2005	11A5	7.8	6	1.4	1.4	4.5	7.3	5.5	7.5	8.5	8.75	7	9.8	
211	001138	Nguyễn Duy Quân	20/04/2005	11A5	5.8	5.5	1.1	1.1	2.8	5	1.3	5	2	0.5	7.8	0.8	
212	001142	Đậu Xuân Quốc	28/09/2005	11A5	5.3	5.5	1.3	0.7	2.4	4.4	4	2.8	6	8.5	3.8	8.3	
213	001144	Hoàng Lê Bảo Quốc	18/06/2005	11A5	7.8	7	1.1	0.8	4.6	6.5	7.8	9.3	9	8.75	9	10	
214	001145	Lê Thiên Quy	06/12/2005	11A5	6.8	7	1.3	0.8	2.4	4.5	6.8	4	7.5	5	5.5	8.3	
215	001146	Nguyễn Hồng Quý	25/04/2005	11A5	6.3	8	1.7	1.1	4.9	7.7	6.8	8.5	9.75	9.25	7.8	10	
216	001157	Đỗ Cao Minh Tâm	17/11/2005	11A5	6.5	7.5	1.3	1.1	4.6	7	5.8	4.3	5.5	9.25	6	7	
217	001203	Hoàng Huyền Trang	08/03/2005	11A5	9	7.5	1.4	1.4	5.2	8	8.5	8.8	10	10	8.3	10	
218	001204	Lê Thị Thùy Trang	19/04/2005	11A5	8.8	Vắng	1.2	0.9	4	6.1	5.8	Vắng	9.75	9.5	9	7.5	Trống
219	001209	Ngô Thiên Triều	20/08/2005	11A5	7.8	7.5	1.4	1	4.7	7.1	7.8	7.8	9.25	9.25	9	9.5	
220	001210	Phan Chí Trọng	23/04/2005	11A5	8.8	7.5	1.9	1.8	5.7	9.4	9	8.5	9.5	9.5	9	9.5	
221	001220	Nguyễn Hữu Tùng	02/07/2005	11A5	8.8	7	1.4	1.2	5	7.6	9.3	9.5	9	9.5	9	9.5	
222	001225	Lại Thị Minh Uyên	23/08/2005	11A5	6.8	8	1.3	0.7	2.1	4.1	5.5	6.5	8	9.25	9	10	
223	001237	Hồ Nguyễn Huyền Vy	28/02/2005	11A5	6.8	5.8	1.4	1	4.3	6.7	6.3	7.5	2	9	8	7	

224	001242	Nguyễn Ngọc Tường Vy	29/07/2005	11A5	8.5	8	1.4	1.1	5.1	7.6	8	9.8	9.5	9.25	9	10	
225	001250	Đặng Thị Mỹ Yên	17/04/2005	11A5	5.8	6.5	1.4	0.9	3.8	6.1	5.3	8	3.25	10	8	8.75	
226	000901	Đỗ Thị Lan Anh	09/09/2005	11A6	9.3	Vắng	1.5	1.6	5.7	8.8	8.5	Vắng	Vắng	6.75	Vắng	10	Trống
227	000907	Nguyễn Thanh Kim Anh	06/11/2005	11A6	5.3	6	1.3	0.9	3.6	5.8	5.5	7	4	6.25	5.3	10	
228	000911	Phạm Nguyễn Hoàng Anh	09/02/2005	11A6	6.8	7.3	1.6	1.7	5.6	8.9	7	6.3	9.75	7	8.3	8.5	
229	000917	Lê Hoài Bảo	21/05/2005	11A6	7.5	6.8	1.5	1	4.9	7.4	2.8	8.8	7.5	7	9	10	
230	000925	Nguyễn Thảo Chi	26/04/2005	11A6	5	5.8	1.4	0.6	4	6	3.3	5.5	7.5	6	6.5	5.8	
231	000940	Trần Khánh Duy	28/04/2004	11A6	3.3	5.3	1.2	0.9	3	5.1	4.3	1.5	5.5	6.75	2.5	5.8	
232	000941	Cao Nguyễn Mỹ Duyên	18/01/2005	11A6	8.3	7.3	1.5	1.3	5.9	8.7	9	9	9.8	9	9	9	
233	000949	Nguyễn Khánh Đăng	07/03/2005	11A6	7.5	6.8	1.3	1.4	5.6	8.3	8.5	8.5	8.75	9	9	10	
234	000953	Trịnh Quốc Đạt	24/04/2005	11A6	8.3	7.8	1.5	1.1	5.2	7.8	6.5	8.8	9.75	4	9	10	
235	000956	Nguyễn Hồng Gấm	19/01/2005	11A6	4.5	6.3	1.5	1	4.6	7.1	6.5	7.5	8.75	8	9	9.5	
236	000962	Đỗ Ngọc Bảo Hân	20/08/2005	11A6	5	5.3	1.4	0.8	4.4	6.6	2.5	4.3	5	5.75	6.5	9.5	
237	000975	Nguyễn Xuân Hiển	06/01/2005	11A6	6.5	7	1.2	0.8	4.7	6.7	5	7.5	9.5	3.75	8.5	7.5	
238	000976	Trần Hoàng Hiệp	01/12/2005	11A6	5	6	1.7	1	3.6	6.3	2.8	5	7.5	6.75	8.3	8	
239	000981	Phạm Thị Kim Hoa	24/09/2005	11A6	6.5	7	1.8	1.7	4.9	8.4	3.5	9	8.5	7.5	8.5	10	
240	001011	Võ Bùi Quang Huy	15/03/2005	11A6	7.3	6.8	1.4	1.2	3.7	6.3	6	9	9.5	7	7.8	8.5	
241	001025	Nguyễn Võ Anh Khoa	05/10/2005	11A6	4	5.8	1.7	1.1	4.3	7.1	1.5	6	6.3	5.25	4.3	7	
242	001034	Nguyễn Hồng Thùy Linh	30/10/2005	11A6	9.3	6.8	1.5	1.4	5.4	8.3	9.3	9.5	10	10	9	10	
243	001044	Nguyễn Hữu Luân	25/10/2005	11A6	9.3	8.3	1.1	1.1	5.3	7.5	9	9	10	9.5	9	10	
244	001048	Huỳnh Ngọc Tuyết Mai	07/05/2005	11A6	10	7.8	1.3	1.4	5.4	8.1	7.5	9.3	10	10	9	10	
245	001058	Nguyễn Vũ Anh Mỹ	27/08/2005	11A6	7.8	6.3	1.2	1.6	5.5	8.3	4.8	7.8	10	7.75	7.8	9.5	
246	001059	Phan Thảo My	16/08/2005	11A6	9	6.5	1.5	0.9	4.9	7.3	9	8.5	9.75	10	8.8	10	
247	001064	Trương Tuyết Nga	02/02/2005	11A6	7.3	5.5	1.4	0.5	3.8	5.7	7.5	8	8.5	8.5	6	8.5	
248	001065	Huỳnh Thị Tuyết Ngân	22/03/2005	11A6	7.3	7.3	1.5	0.9	4.6	7	7.5	7.5	9	6.5	9	10	
249	001082	Trương Minh Ngọc	31/07/2005	11A6	8.8	7	1.3	0.9	4.5	6.7	8	8.5	10	9.25	8	10	
250	001084	Nguyễn Thị Nguyên	31/07/2005	11A6	6.5	7	1.8	1.1	3.3	6.2	4	8.8	7	5	8.3	10	
251	001085	Trần Huỳnh Trương Nguyễn	21/02/2004	11A6	7	6.8	1.4	0.9	5.3	7.6	5.3	8.3	6.5	8.75	9	10	
252	001089	Văn Nguyễn Minh Nhật	20/02/2005	11A6	4.3	6.5	1.4	1	4.2	6.6	2.5	3.8	5.5	9.25	8.5	7.8	
253	001094	Nguyễn Hoàng Uyên Nhi	28/08/2005	11A6	8.3	6.8	1.2	0.8	4.9	6.9	6.3	6.8	10	9.25	8.8	7	
254	001097	Nguyễn Yến Nhi	15/03/2005	11A6	4	6.3	1.4	0.7	4.4	6.5	2.5	3.8	5.5	5.75	3.5	3.5	
255	001107	Vũ Thị Quỳnh Như	25/01/2005	11A6	5.8	7	1.3	0.8	3.4	5.5	3.3	6.8	6	4	8	7.3	
256	001127	Mai Lê Hữu Phước	19/07/2005	11A6	4	6	1.3	0.8	4.1	6.2	3	6.5	5.25	4.5	6.8	9.8	
257	001130	Đinh Thùy Uyên Phương	25/05/2005	11A6	5	7.8	1.3	0.9	4.2	6.4	5.3	7.8	6.3	6	7	9.8	
258	001134	Đặng Anh Quân	22/03/2005	11A6	3	6	1.3	0.8	2.6	4.7	3	6.3	7	7.5	7	5.5	
259	001150	Nguyễn Đỗ Thanh Sang	05/06/2005	11A6	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Trống
260	001151	Nguyễn Thế Sang	26/10/2005	11A6	6.3	4.8	1.3	1.1	4.6	7	5.8	5.3	8.5	2.75	7	9.8	
261	001152	Nguyễn Hoàng Sơn	12/04/2005	11A6	7	6	1.2	1.1	4.5	6.8	2	8.8	7.75	5.5	8	10	

262	001156	Nguyễn Hữu Tấn Tài	23/11/2005	11A6	8.3	6.8	1.2	1	5.3	7.5	5.3	3.5	7.5	6	7.8	9	
263	001160	Cao Hoàng Duy Tân	09/09/2005	11A6	7.3	5.5	1.2	0.8	3.2	5.2	3.3	2	6	6	6.5	8.8	
264	001164	Nguyễn Đức Thắng	25/07/2005	11A6	6.8	4.8	1.3	1	5	7.3	1	6.8	7	3	5.5	3	
265	001172	Lê Thanh Thảo	15/10/2005	11A6	8.8	7.3	1.3	1	4.7	7	5.8	6.3	6.5	5	8	9	
266	001182	Nguyễn Lê Anh Thư	14/12/2005	11A6	7.3	7.5	1.2	1.1	5.6	7.9	8	8.5	9.5	9	8	9.8	
267	001199	Trần Mạnh Toàn	19/10/2005	11A6	5.3	5.3	1.8	1.1	4.1	7	2.8	8	8.25	5.75	5.8	8.25	
268	001202	Nguyễn Thụy Huyền Trâm	20/07/2005	11A6	6.5	6.3		0.6	4.8	5.4	8.5	9	8.25	6	6.5	8.75	Trống
269	001208	Hồ Ngọc Trí	11/07/2005	11A6	5.3	5.8	1.3	0.7	5.4	7.4	2.3	6.3	4.25	3.5	7.5	8	
270	001254	Nguyễn Thị Hải Yến	03/03/2005	11A6	5.3	4	1.5	1.1	4.1	6.7	2.8	6.3	7	1.5	5	8.75	
271	000899	Dương Trần Chí Tài Anh	21/11/2005	11A7	7.5	6	1.5	0.9	3	5.4	5.8	6.5	8.5	9.5	10	10	
272	000903	Ngô Quang Tuấn Anh	05/05/2005	11A7	6.5	6.8	1.9	1.1	4.4	7.4	8.3	7	6.75	10	9.8	8	
273	000905	Nguyễn Hoàng Anh	04/02/2004	11A7	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Trống
274	000918	Trương Gia Bảo	19/12/2005	11A7	2.8	4.3	1.8	0.6	2.9	5.3	4.3	4.8	2.5	4.75	4.8	8	
275	000920	Nguyễn Hồ Ngọc Bích	09/08/2005	11A7	5.5	7.8	1.5	1.1	4.4	7	5	6.8	9.5	9.75	9	10	
276	000922	Phan Duyên Bình	21/04/2005	11A7	6.3	8	1.8	0.9	3.7	6.4	7.3	6	9.8	7	8	7.5	
277	000960	Huỳnh Ngọc Hải	11/10/2005	11A7	2	4.8	1.6	0.8	2.5	4.9	2.8	4.5	3.5	6.75	8.3	6	
278	000971	Trần Hồ Anh Hào	07/06/2005	11A7	6.8	7.8	1.9	1.5	4.2	7.6	7	8.5	9	9.5	8	10	
279	000972	Cao Thanh Hậu	07/10/2005	11A7	8.8	6.8	1.4	1.3	4.6	7.3	3.5	7.8	6.5	4	8	9.5	
280	000986	Lưu Văn Hoàng	13/07/2005	11A7	6	6	1.5	1	5.8	8.3	7	7.8	9	9.5	8.5	9.8	
281	000990	Lâm Nguyễn Sanh Hoàng		11A7	9.8	7	2	1.8	6	9.8	9	9.3	9.3	10	10	10	
282	000997	Lê Thị Thu Hương	06/11/2005	11A7	9	7.5	1.8	1.4	4.6	7.8	7.5	7	9	10	9	10	
283	000998	Bùi Gia Huy	08/06/2005	11A7	8.5	7.3	1.5	1.2	4.7	7.4	8.3	9.8	9	10	9	8.8	
284	001004	Nguyễn Lâm Nghĩa Huy	10/01/2005	11A7	5.8	4.3	2	1	2.8	5.8	2.8	4	9	8	8	7.8	
285	001015	Bùi Huy Khang	25/09/2005	11A7	9	7	1.5	1.3	4.3	7.1	9	9.3	8.5	9.75	9	10	
286	001017	Trần Phú Khang	22/01/2005	11A7	9	7	1.8	1.8	5.4	9	9	9	9.75	9.75	9	9.8	
287	001026	Trần Nguyễn Anh Khoa	14/03/2005	11A7	8.8	8.5	2	1.4	5.3	8.7	8	8.5	9	10	9	10	
288	001038	Trần Ngọc Linh	29/10/2005	11A7	2.8	6.8	1.5	0.9	5.5	7.9	4.5	6	6	6.25	8.3	9	
289	001046	Hồ Cẩm Ly	10/04/2005	11A7	7.5	6.5	1.5	0.9	5.5	7.9	5.3	9.3	9	10	9	10	
290	001054	Lê Nguyễn Hoàng Minh	18/02/2005	11A7	6.8	7.5	2	1.1	4.5	7.6	8.5	7.8	7.75	10	7.3	9	
291	001072	Nguyễn Thiên Ngân	17/03/2005	11A7	5.3	4	1.7	1.3	4.3	7.3	6	7.5	7.75	6.25	9	9.5	
292	001073	Phạm Trần Thành Ngân	28/08/2005	11A7	5	4.5	1.2	0.9	3.9	6	3.8	4.8	1	3.5	6.8	6	
293	001083	Nguyễn Danh Thảo Nguyên	09/05/2005	11A7	5.3	3.5	1	1.3	5.2	7.5	3.3	5	5.75	3.5	8	6	
294	001098	Phạm Nguyễn Thảo Nhi	18/10/2005	11A7	8.5	4.5	1.6	0.9	5.3	7.8	7	7.8	8.5	9.75	8.3	10	
295	001101	Trần Thị Yến Nhi	15/04/2005	11A7	7.75	5.8	1.6	1.1	5.7	8.4	6.3	6.5	8.75	7.25	8.8	9.8	
296	001103	Giang Tâm Như	20/12/2005	11A7	9.3	7.5	1.7	1.1	5.7	8.5	7.8	7.5	10	10	10	10	
297	001113	Lê Xuân Hoàng Phát	09/10/2005	11A7	6	7.3	1.7	1.1	3.6	6.4	6	7.8	7	6.75	9	9.8	
298	001118	Ong Lê Phú	03/10/2005	11A7	9.3	7.5	1.2	1	4.7	6.9	7.5	8.8	9	9.75	9	9.5	
299	001123	Trần Bảo Phúc	12/09/2005	11A7	8.5	7.5	1.8	1.4	5.8	9	7	8	9	9	8	8.75	

300	001125	Huỳnh Quang Phước	17/05/2005	11A7	8	5.8	1.3	0.7	4.2	6.2	6.5	7.5	9	7.75	8.3	9.5	
301	001133	Nguyễn Thị Hoài Phương	26/10/2005	11A7	7.3	7.5	1.5	1	4.5	7	6.5	9	8.75	10	8.5	10	
302	001143	Đoàn Kiến Quốc	18/09/2005	11A7	7.8	6.5	1.9	0.8	2.7	5.4	8.5	7.5	9	7	7.5	10	
303	001149	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	23/08/2005	11A7	8.5	7.5	1.3	0.9	3.9	6.1	7.5	6.5	7.5	6.25	5.8	10	
304	001178	Nguyễn Trường Thịnh	21/07/2005	11A7	7.8	5.5	1.8	1	4.8	7.6	4	8.3	9	7	8.5	10	
305	001184	Thái Thị Anh Thư	22/10/2005	11A7	2.8	4	1.4	1	1.8	4.2	1.5	3.5	5.25	3	2	9.3	
306	001188	Nguyễn Thị Hoài Thương	12/04/2005	11A7	9	8.3	1.1	0.8	5.9	7.8	7.5	7	8.5	9.5	9	9.8	
307	001190	Nguyễn Thị Kim Thùy	02/11/2005	11A7	5.8	4.8	1.6	0.8	2	4.4	3	4.5	8.5	6.5	6.3	10	
308	001200	Nguyễn Phạm Bảo Trâm	31/07/2005	11A7	8.3	7.8	1.4	1.5	5.6	8.5	5	7.3	8.25	6.5	8	7.5	
309	001201	Nguyễn Phương Trâm	02/05/2005	11A7	7	4.3	1.6	0.5	3.6	5.7	5	6.5	6.25	6	7.5	10	
310	001211	Huỳnh Thị Thanh Trúc	25/02/2005	11A7	8.8	7.5	1.5	1	3.2	5.7	7.5	7	7.25	8.75	8.3	7	
311	001212	Mai Nguyễn Bảo Trúc	25/01/2005	11A7	7	6.8	1.4	0.8	2.9	5.1	4	4.8	7.25	8.5	8	9.25	
312	001230	Nguyễn Vũ Ái Vi	01/01/2005	11A7	6.8	8	1.5	1	3.6	6.1	7.8	7.8	8.5	7.25	8.5	10	
313	001233	Trần Thanh Vũ	14/02/2005	11A7	7	6.8	1.4	0.8	4.1	6.3	5.5	7.8	7.5	7.25	8.3	6.5	
314	001234	Trương Trần Anh Vũ	20/01/2005	11A7	7	7	1.7	1.1	4.8	7.6	8	9.3	9	10	9	10	
315	001239	Nguyễn Huỳnh Thanh Vy	28/09/2005	11A7	3	3	1.6	1	4.2	6.8	3.5	3.8	3	8.5	4	8.5	
316	001249	Dương Thị Kim Yến	27/06/2005	11A7	5.8	7.3	1.6	1.2	4.8	7.6	4	8.3	8.5	9.75	8	10	
317	000906	Nguyễn Lê Tuấn Anh	17/11/2005	11A8	8.8	7.3	1.2	1.4	5.4	8	3.8	7.3	8	6.75	8	9.75	
318	000908	Nguyễn Tiến Anh	16/02/2005	11A8	7.5	5.8	1.6	1.3	5.6	8.5	8.3	6.5	9.25	9	8.5	9.75	
319	000945	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	02/06/2005	11A8	8.8	8.5	1.4	1.3	5	7.7	9.5	8.8	10	9.75	9	10	
320	000946	Nguyễn Thị Thùy Duyên	31/07/2005	11A8	7	8.3	1.5	0.6	4.2	6.3	8	7.3	9.5	7	8.8	6.8	
321	000950	Mai Phát Đạt	01/07/2005	11A8	7	6.3	1.2	1	4	6.2	8.3	7.5	10	9.75	9	8.5	
322	000961	Nguyễn Lê Duy Hải	11/07/2005	11A8	8.3	4.5	1.2	0.8	5.5	7.5	7.3	8.8	7.5	10	8.5	10	
323	000969	Huỳnh Phú Hào	01/01/2005	11A8	7.8	7.3	1.4	0.8	2.5	4.7	4.8	8.3	7.75	5	2.5	8	
324	000977	Phạm Trung Hiếu	19/03/2005	11A8	5	6.8	1.5	0.7	3.5	5.7	4.5	3.8	9	9	7.3	9	
325	000978	Dương Huế Hoa	03/02/2005	11A8	8.5	7.5	1.2	1	5.1	7.3	8.3	8.8	9	9.25	9	10	
326	000980	Nguyễn Thị Kim Hoa	30/09/2005	11A8	9	7.5	1.5	1.1	5.1	7.7	7.8	9	10	10	9	10	
327	000984	Nguyễn Tiến Hoài	16/01/2005	11A8	9.3	7.3	1.3	0.9	5	7.2	6.8	8.8	9.5	7	9	10	
328	000992	Lâm Quốc Hưng	12/12/2005	11A8	7.3	7	1.4	0.5	3.3	5.2	3.5	7.3	8.5	6.75	7.5	9.3	
329	001000	Đinh Tiến Lê Huy	20/03/2005	11A8	6.5	5.5	1.3	0.5	2.4	4.2	5.3	2	6	7	5	2	
330	001003	Nguyễn Hoàng Huy	01/05/2005	11A8	8.8	7.8	1.5	1	5.3	7.8	8.5	9.3	10	9	10	10	
331	001019	Nguyễn Gia Khánh	31/08/2005	11A8	8.3	7.5	1.4	1.4	5.1	7.9	5	7.5	9	9.5	8	10	
332	001021	Huỳnh Nguyễn Đăng Khoa	05/06/2005	11A8	6.8	Vắng	1.4	1	3.2	5.6	4.5	Vắng	7.25	6.5	6.5	7.5	Trống
333	001022	Lê Đức Anh Khoa	02/10/2005	11A8	7.3	7.3	1.3	1.1	5.6	8	4.5	7	8.5	7	8.5	7.8	
334	001031	Võ Tấn Lành	15/01/2005	11A8	8.3	7.5	1.5	1.2	3.4	6.1	7.5	6.8	9.8	9.5	8.3	8.8	
335	001042	Quách Gia Long	30/11/2005	11A8	8	6.8	1.3	0.9	5.1	7.3	2.5	6.5	9.3	5	8.8	7.75	
336	001045	Cao Thị Hồng Lý	15/05/2005	11A8	8.3	7.5	1.3	1.2	5.7	8.2	7.5	7.8	9.8	9.75	8.3	10	
337	001051	Võ Xuân Mai	03/03/2005	11A8	5	7.5	1.1	0.8	4	5.9	7	7.8	9	6	8.5	10	

338	001060	Trần Ngọc Kiều My	28/09/2005	11A8	6.8	6.8	1.2	1.1	4.3	6.6	7.8	7.3	8.75	8.75	9	9.25	
339	001063	Dương Vân Nga	13/10/2005	11A8	8.3	Vắng	1.2	0.9	5.3	7.4	9.3	Vắng	9.5	10	8	7.25	Trống
340	001091	Hoàng Yến Nhi	20/02/2005	11A8	7.8	5.8	1.4	1.1	4.3	6.8	6.3	8	8	6.75	6	9.3	
341	001104	Huỳnh Phương Như	01/06/2005	11A8	7	7.5	1.3	1.3	4.3	6.9	6.8	6.5	8.75	9.75	8.5	8.5	
342	001115	Nguyễn Thị Yến Phi	10/11/2005	11A8	8.8	7	1.6	0.9	3.8	6.3	9.3	8.3	8.75	9	9	10	
343	001162	Trần Xuân Tấn	19/05/2005	11A8	8	8	1.2	0.9	5.1	7.2	8	7.8	9.75	10	8.5	4.8	
344	001163	Hoàng Hồng Thái	27/12/2005	11A8	8.3	7.8	1.3	1.5	4.9	7.7	9	9.3	10	10	8	10	
345	001169	Phan Tấn Thành	18/10/2005	11A8	8	7	1.4	1.4	4.4	7.2	4.8	7	8.5	10	4.5	7	
346	001170	Trần Tân Thanh	03/09/2005	11A8	6.3	5	1.3	1	4.9	7.2	4.3	4.3	2.5	3.75	7	0	
347	001181	Nguyễn Anh Thư	17/10/2005	11A8	7.5	Vắng	1.2	1.4	4.6	7.2	9	Vắng	9.25	9.5	9	9.5	Trống
348	001186	Chu Thị Hoài Thương	22/05/2005	11A8	8.8	8.5	1.4	1.1	3.7	6.2	8.8	9	10	10	9	10	
349	001195	Huỳnh Ngọc Minh Tiến	17/04/2005	11A8	4	4.8	1.6	1.1	2.6	5.3	2.8	3	7.5	6.75	2.8	2.5	
350	001196	Lê Trần Nhật Tiên	23/09/2005	11A8	1.8	7.8	1.6	0.8	3.5	5.9	3.8	3.5	3.25	6.25	5.8	5	
351	001197	Lê Trọng Tín	04/08/2005	11A8	7.8	6.3	1.1	1.2	5.1	7.4	6.3	6.8	8	7	8	10	
352	001205	Nguyễn Thảo Trang	24/02/2005	11A8	8.5	6.8	1.7	1.7	5.6	9	6.5	9	9	7	9	10	
353	001235	Võ Anh Vũ	01/01/2004	11A8	2.8	Vắng	1.4	0.6	1.6	3.6	3	Vắng	6	6	5	5.5	Trống
354	001236	Đặng Ngọc Trường Vy	11/08/2005	11A8	9	8	1.2	1.5	5.7	8.4	8.3	9.8	10	10	9	10	
355	001244	Trần Nguyễn Hà Vy	14/05/2005	11A8	5	4.5	1.4	0.8	3.3	5.5	4	4	1	5	6.5	3	
356	001246	Dương Thị Ngọc Xuân	20/03/2005	11A8	6.8	7.8	1.5	1.2	4.5	7.2	8.5	9	9.75	10	9	7	
357	001252	Nguyễn Lê Kim Yến	09/06/2005	11A8	6.5	7.8	1.3	0.8	2.5	4.6	6	6.3	9	6.25	7	10	
358	001253	Nguyễn Thị Yến	16/06/2005	11A8	5.5	6.3	1.3	1	4.3	6.6	7	7	8	6.75	5.8	9.5	